

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **251/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/6/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thắng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Văn Tuất

2. Ông Nguyễn Văn Hành

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992 (có mặt)**

HKTT: thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: xã Khánh Nhạc, huyện K, Ninh Bình

**Bị đơn: anh Phạm Công Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt)**

HKTT: thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2012 tại Ủy ban

nhân dân xã S, huyện K, Hưng Yên. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên đi làm không về nhà, không quan tâm, lo lắng, chu cấp kinh tế cho gia đình, vợ con. Hai bên gia đình đã hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không được. Khi anh chị nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn, anh Đ đã cáu gắt, chửi bới, ném quần áo của chị T và đuổi chị T ra khỏi nhà. Từ tháng 02/2014, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở Ninh Bình sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Anh Đ thỉnh thoảng còn gọi điện chửi bới, dọa dẫm chị. Nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, tiếp tục hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên chị T xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Công Đ có 01 con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 03/11/2013. Ly hôn, chị T xin nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Phạm Công Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn anh Phạm Công Đ; Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

*1.1. Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Công Đ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2. Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là anh Phạm Công Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã V, huyện T, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.3. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:* Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

### [2] Về nội dung vụ án:

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Công Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Song Mai, huyện Kim Động, Hưng Yên. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T xin ly hôn do anh Đ thường xuyên đi làm không về nhà, không quan tâm, lo lắng, chu cấp kinh tế cho gia đình, vợ con. Từ tháng 02/2014, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở Ninh Bình sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của bà Nguyễn Thị Vân, mẹ đẻ anh Đ, xác định chị T, anh Đ có mâu thuẫn về tình cảm nên đã sống ly thân từ khoảng năm 2013 đến nay. Tháng /2022, chị T đã nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn. Nhưng anh chị không thể khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, nên chị T tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với anh Đ.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh Đ đã trầm trọng, nếu duy trì hôn nhân cũng không đạt được mục đích hôn nhân là đời sống chung hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, chị T được ly hôn anh Đ.

2.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Công Đ có 01 con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 03/11/2013. Ly hôn, chị T xin nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị T hiện đang làm nhân viên Công ty TNHH xây dựng Xuân Tể, thu nhập trung bình khoảng 12.500.000 đồng/tháng và đang cùng cháu Đức A sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại xã Khánh Nhạc, huyện K, Ninh Bình. Bà Chu Thị Loan, mẹ đẻ của chị T có lời khai đồng ý cho chị T, cháu Đức A ở tại nhà bà. Cháu Đức A có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với chị T. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đức A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung, nhà đất, công nợ*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí**: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4] Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Công Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Công Đ có 01 con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 03/11/2013. Ly hôn, giao con chung cho chị T trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Phạm Công Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số AA/2020/0062394 ngày 22/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Văn Thắng**